

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Kế hoạch số 244-KH/BTGTW ngày 17/01/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 29-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

**Bối cảnh tình hình và công tác quán triệt,
tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW**

I. Bối cảnh tình hình

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có diện tích tự nhiên là 5.152,67 km², đường bờ biển dài khoảng 130 km với 05 cửa biển chính (Sa Cần, Sa Kỳ, Cửa Đại, Mỹ Á, Sa Huỳnh); địa hình tương đối phức tạp. Thiên tai thường xuyên xảy ra, gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất của người dân. Toàn tỉnh có 13 đơn vị hành chính trực thuộc (01 thành phố, 01 thị xã, 11 huyện), trong đó có 05 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 05 huyện đồng bằng, với 173 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 17 phường, 08 thị trấn, 148 xã, dân số gần 1,3 triệu người.

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 603 đơn vị, cơ sở giáo dục, trong đó có: 208 trường mầm non; 155 trường tiểu học (TH); 130 trường trung học cơ sở (THCS); 52 trường tiểu học và trung học cơ sở (TH&THCS); 40 trường trung học phổ thông (THPT); 01 trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện, thị xã; 01 trường đại học và 02 trường đại học trực thuộc các bộ đóng trên địa bàn tỉnh; 06 trường cao đẳng; 04 trường trung cấp và các cơ sở nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Từ năm 2013, năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, trên địa bàn toàn tỉnh có 31/209 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 14,83%; 127/218 trường TH đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 58,53%; 88/167 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ chiếm 52,69%; 16/39 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 41,03%; sau 10 năm, số lượng trường đạt kiểm định chất lượng và

công nhận đạt chuẩn quốc gia tăng vượt bậc 1; tính đến cuối năm 2022, có 114/208 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 54,80%; 128/153 trường TH đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 83,66%; 115/130 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 88,46%; 18/52 trường TH & THCS đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 34,62%; 26/39 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 66,67%. Bên cạnh đó, công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS có chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định. Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm được triển khai thực hiện nhằm đảm bảo sự cân đối về số lượng, chất lượng giữa các cấp học, các trường và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 với các môn học bắt buộc theo quy định; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu tại nghị quyết đại hội đảng các cấp đã đề ra.

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền

Sau khi Nghị quyết số 29-NQ/TW được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 87-KH/TU ngày 17/12/2013 về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, trong đó có Nghị quyết số 29-NQ/TW; tổ chức hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW cho 258 đồng chí là cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, đạt 96,1% so với số lượng triệu tập (*do một số cán bộ, đảng viên đi học, đi công tác, lý do sức khỏe, có giấy xin phép vắng mặt*).

Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân (*tỷ lệ tham gia hơn 93%*); ngành giáo dục và đào tạo đã tổ chức học tập, quán triệt cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên, người lao động của từng địa phương, đơn vị (*đạt tỷ lệ hơn 97%*).

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh thường xuyên phối hợp với ban tuyên giáo các cấp, thông qua các lớp tập huấn, tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nội dung và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, đặc biệt làm rõ nội dung “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” và những chính sách hỗ trợ, phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; từ đó, đã tạo được sự đổi mới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của các cấp chính quyền, sự tham gia, đồng thuận của gia đình và cộng đồng xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo.

Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, nhất là Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi đã mở nhiều chuyên trang, chuyên mục tập trung tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW đến Nhân dân.

¹Tăng 139 trường đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2014-2022.

Nhìn chung, công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW đã được thực hiện nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên nói riêng và cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân nói chung; hiểu rõ và nắm vững những quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới.

2. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, triển khai thực hiện

- Sau khi Nghị quyết số 29-NQ/TW được ban hành, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 23/7/2014 (*sau đây viết tắt là Chương trình số 51-CTr/TU*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ công tác đổi mới giáo dục và đào tạo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Ngày 30/9/2019, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 224-KH/TU về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (*sau đây viết tắt là Kế hoạch số 224-KH/TU*).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã cụ thể hóa bằng các nghị quyết, đề án, quyết định, kế hoạch, hướng dẫn; ngành giáo dục và đào tạo đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU và Kế hoạch số 224-KH/TU (*có phụ lục gửi kèm*).

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 09/8/2018 tổ chức Hội thảo với chủ đề “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” nhằm góp phần thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, nhất là thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 51-CTr/TU.

- Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp... đã xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU và Kế hoạch số 224-KH/TU.

- Năm 2018, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã thành lập Đoàn kiểm tra việc tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU đối với đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Qua kiểm tra, đã kịp thời khắc phục những hạn chế, khuyết điểm và đề ra các giải pháp thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Hằng năm, HĐND tỉnh, các ban chuyên môn của HĐND tỉnh tổ chức các đoàn giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tình hình thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; việc nâng cao chất lượng giáo dục tại các huyện miền núi của

tỉnh; việc thực hiện công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 51/2017/QH14 về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội,...

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 51-CTr/TU theo chuyên đề hoặc lồng ghép vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của địa phương, đơn vị.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đều gắn các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 51-CTr/TU với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của địa phương, đơn vị mình và của từng cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động hằng năm và cả nhiệm kỳ.

PHẦN THỨ HAI

Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. Thành tựu

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

1.1. Việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”; mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; trong 10 năm qua, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách liên quan, tạo điều kiện cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo phát triển, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố đã ban hành nhiều kế hoạch, đề án; theo từng nhiệm vụ cụ thể được phân công, đã đề ra các biện pháp triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả nhất, góp phần tạo sự chuyên biến rõ nét trong đổi mới giáo dục và đào tạo. Các địa phương đã chủ động đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU và Kế hoạch số 224-KH/TU vào nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội hằng năm của

địa phương, đơn vị để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo².

1.2. Kết quả công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ, đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học, công tác xây dựng Đảng trong trường học trên địa bàn tỉnh được quan tâm, nhất là công tác chính trị tư tưởng. Đã chú trọng việc bồi dưỡng đạo đức, chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên, đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên, nền nếp trong sinh hoạt chi bộ; chủ động gắn việc học tập và làm theo Bác với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 21-KL/TW khóa XIII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, các cuộc vận động, phong trào thi đua của từng đơn vị, cơ sở giáo dục³. Đồng thời, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, lựa chọn, giới thiệu quần chúng ưu tú đề nghị chi bộ kết nạp đảng. Đến nay, tỷ lệ đảng viên trong tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành giáo dục là khoảng 35,3%, tăng 13,12% so với năm 2014.

Hàng năm, ban tuyên giáo các cấp đã tích cực phối hợp với ngành giáo dục, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn chính trị hệ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giáo viên, giảng viên và tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên.

1.3. Công tác dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương; kết quả thực hiện chính sách đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực

Công tác quy hoạch, xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các trường học được chú trọng, bảo đảm lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và yêu cầu công tác. Hàng năm, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện rà

²Các đề án, chương trình, kế hoạch đã được triển khai: Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2012 - 2015; Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh; Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến 2025”; Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2014 - 2020”; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2020 - 2025”; Kế hoạch thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2020; Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”; Đề án thực hiện thí điểm Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”; Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp” năm 2021; Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045;...

³Cuộc vận động “Hai không”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học và sáng tạo”, Những hoạt động nhân tháng thanh niên như: phong trào hiến máu nhân đạo, phong trào “đền ơn, đáp nghĩa”, vận động thanh niên chung tay góp sức trong việc hỗ trợ cho các đối tượng người có công, người nghèo; tham gia lao động tạo quỹ học bổng hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó ở các huyện miền núi, hải đảo; tham gia dọn vệ sinh ở địa phương, khối, phố; phong trào thực hiện an toàn giao thông giờ tan trường...

soát quy mô, trường, lớp học, học sinh và tổ chức thi tuyển giáo viên các cấp để đảm bảo đủ đội ngũ viên chức, giáo viên và nhân viên đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

Công tác đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019 và Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; thực hiện bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông để triển khai Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo. Đổi mới công tác quản lý và nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở giáo dục, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Hội đồng trường.

1.4. Đánh giá kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường và sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận học sinh, sinh viên,...)

Trong thời gian qua, các cơ sở giáo dục trong tỉnh đã tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường vai trò của thủ trưởng đơn vị, cơ sở giáo dục trong việc quản lý thu chi theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về 3 công khai: “Công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế”, “Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục”, “Công khai thu chi tài chính”. Đây cũng là nội dung thường xuyên được nhắc nhở trong các đợt thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; qua đó, góp phần chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, sai phạm trong quản lý điều hành tại các cơ sở giáo dục⁴.

Công tác thực hiện quy chế dân chủ trong các trường học được chú trọng, các đơn vị hằng năm đều xây dựng quy chế, được thảo luận và thống nhất thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng học sinh có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy của nhà trường, vi phạm an toàn giao thông, gây gỗ đánh nhau trong và ngoài nhà trường.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

2.1. Việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Một số kết quả nổi bật đạt được của giáo dục, đào tạo phát triển phẩm chất, năng lực người học

Đã tập trung triển khai các nội dung theo chủ trương đổi mới nội dung, Chương trình GDPT 2018. Công tác bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên được tổ chức thường xuyên, giúp giáo viên cập nhật phương pháp dạy và học; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên chương trình sách giáo khoa mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2024 theo Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh; triển khai việc lựa chọn sách giáo khoa; dạy học theo hướng phân hóa đối tượng, giao quyền chủ động cho giảng viên, giáo viên trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học phù hợp, lấy

⁴Từ năm 2014 đến năm 2022 có tổng cộng 189 cuộc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành; kiến nghị xử lý và thu hồi số tiền sai phạm nộp vào ngân sách nhà nước là 864.141.000 đồng; qua theo dõi, các trường, cơ sở giáo dục có vi phạm đã chấp hành nghiêm túc kết luận sau thanh tra, báo cáo kết quả theo quy định.

học sinh, sinh viên làm trung tâm; thực hiện lồng ghép giáo dục kỹ năng cho học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động ngoài giờ chính khóa⁵...

2.2. Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã chủ động tổ chức các hình thức học tập đa dạng, phù hợp với đối tượng, tâm lý lứa tuổi như: tổ chức các hoạt động giáo dục ý thức về bản thân, khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm, phát triển kỹ năng sống, kỹ năng xã hội ở bậc mầm non; thực hiện tích hợp, lồng ghép giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và khơi dậy khát vọng cống hiến trong các môn học (*Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, các hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương...*) ở bậc giáo dục phổ thông; tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực của người học, đảm bảo hài hòa các phẩm chất về đức, trí, thể, mỹ. Đồng thời, chú trọng việc phát triển thể chất học sinh, tổ chức các hoạt động thể thao gắn liền với nội dung môn học giáo dục thể chất, khuyến khích học sinh duy trì việc tập luyện thể dục, các bài tập phát triển kỹ năng tự vệ, kỹ năng an toàn cho học sinh⁶.

2.3. Đánh giá kết quả đạt được trong: (1) Đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; (2) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hình thức học tập, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học

- Đối với việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học: thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không tăng thêm nội dung bài học và tăng cường tích hợp dưới hình thức trò chơi, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; giáo viên chuyển vai trò là người truyền thụ kiến thức sang vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, định hướng để học sinh nghiên cứu, trao đổi, thảo luận chủ động chiếm lĩnh kiến thức thông qua các hoạt động học. Vì vậy, đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tích cực của học sinh, giúp học sinh chủ động hơn trong học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp, hợp tác và ngày càng tự tin hơn trong học tập, rèn luyện phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp (*tổ chức nhiều câu lạc bộ tiếng Anh, âm nhạc, mỹ thuật, cờ vua...*); nội dung dạy học không còn gò bó trong không gian lớp học, trường học mà đã được tổ chức ngoài khuôn viên nhà trường, gắn liền với thực tiễn, đúng theo phương châm học đi đôi với hành. Qua đó từng bước giúp các em học sinh, sinh viên đạt được

⁵Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT hằng năm trên địa bàn toàn tỉnh ổn định; năm 2022 đứng thứ 39/63 tỉnh, thành tăng 11 bậc so với năm 2021; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào các cơ sở giáo dục đại học đứng thứ 15/63 tỉnh thành; tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đứng vị trí giữa của cả nước; Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi dành cho giảng viên, giáo viên và học sinh ngày càng nhiều và chất lượng ngày càng được nâng lên.

⁶Mỗi cơ sở giáo dục phổ thông có ít nhất 01 câu lạc bộ và mỗi học sinh tham gia ít nhất 01 câu lạc bộ, duy trì hoạt động nội, ngoại khóa thường xuyên. Tổ chức kiểm định chất lượng theo hình thức đánh giá ngoài với các khối, lớp hằng năm, trên cơ sở đó gắn trách nhiệm với cán bộ quản lý, với giáo viên được giao nhiệm vụ.

các phẩm chất và năng lực theo quy định.

- Đối với việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá: ngành giáo dục và đào tạo đã tổ chức thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh, sinh viên. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (*bài viết, bài trình chiếu, video...*) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã tổ chức đổi mới phương pháp dạy học trong toàn thể giáo viên, giảng viên; ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ phương pháp đổi mới phương pháp dạy học, bám sát chuẩn đầu ra để tổ chức phương pháp đào tạo phù hợp; tăng cường thực hành, thực tập để giúp cho người học nắm vững kiến thức và có tay nghề vững vàng khi ra trường công tác, đồng thời thông tin “ba công khai” trên trang thông tin điện tử của các trường và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện việc tổ chức xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, biên chế, nhiệm vụ đào tạo các bậc, ngành, hệ đào tạo trong năm học. Nghiêm túc triển khai kế hoạch dạy học, lịch trình giảng dạy, kết thúc chương trình đào tạo theo đúng yêu cầu đề ra.

2.4. Kết quả đạt được nổi bật của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp; dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học

a) Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp

Đã triển khai thực hiện tốt nội dung đổi mới phương pháp và lồng ghép nội dung bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong dạy học ở các cấp tiểu học, THCS, THPT⁷; 100% trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo Đề án của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh⁸; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 giảm xuống, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng tăng lên⁹.

⁷Tham gia Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh cấp THPT toàn quốc lần thứ III năm 2022 do Bộ GDĐT tổ chức tại Thành phố Cần Thơ. Kết quả, giải tập thể có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích; về cá nhân có 02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 04 giải Khuyến khích, đây là thành tích cao nhất từ trước đến nay của tỉnh tham gia Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ GDĐT tổ chức.

⁸Thực hiện Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025, Kế hoạch số 1223/KH-BGDĐT ngày 28/12/2018 và Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ GDĐT; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 09/8/2019 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁹Năm 2015, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 là 77,5%, đến năm 2022, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 là 72%.

b) Dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học

- Công tác dạy và học tiếng Anh ở bậc học phổ thông được triển khai tương đối đồng bộ, có lộ trình, đúng chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng việc phát triển năng lực ngoại ngữ cho học sinh, đổi mới kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh của học sinh tại các kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế (như IELTS, TOEIC...) và đạt kết quả cao.

Thực hiện thí điểm dạy và học tiếng Anh chương trình 10 năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*bắt đầu từ năm học 2014 - 2015*). Hằng năm, tiếp tục mở rộng quy mô trường, lớp tham gia triển khai dạy học chương trình Tiếng Anh 10 năm theo Đề án ngoại ngữ quốc gia ở các cấp học¹⁰.

Đối với các mô hình điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ: Đã thực hiện triển khai xây dựng trường điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ cho 03 trường phổ thông (*Trường THPT Trần Quốc Tuấn, THCS Nguyễn Nghiêm và Tiểu học Chánh Lộ - Thành phố Quảng Ngãi, những đơn vị triển khai xây dựng trường điển hình từ năm học 2014 - 2015*), tổng kết rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện sau 03 năm học; lập kế hoạch tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo¹¹.

Trong giai đoạn 2012 - 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các trường đại học ngoại ngữ, các đơn vị có chức năng đào tạo bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh phổ thông (TH, THCS và THPT)¹².

- Dạy học tin học: 100% học sinh lớp 3 được học theo Chương trình GDPT 2018; 100% các trường THCS, THPT dạy học tin học, đảm bảo điều kiện cho học sinh thực hành; từ năm học 2020 - 2021, 100% trường THCS đủ điều kiện để dạy học môn Tin học bắt buộc theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3, lớp 6, lớp 7.

2.5. Công tác dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số

Các trường mẫu giáo, mầm non nghiêm túc thực hiện xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số (DTTS) ra

¹⁰Học sinh triển khai chương trình tiếng Anh 10 năm: cấp tiểu học có 203/205, tỷ lệ 99,02%; cấp THCS có 115/182 trường, tỷ lệ 63,2%; cấp THPT có 04/38 trường, tỷ lệ 10,5%. Từ năm học 2021-2022, 100% trường TH, THCS, THPT đủ điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5, lớp 6, lớp 7 và lớp 10 theo Chương trình GDPT 2018.

¹¹Chất lượng dạy và học môn tiếng Anh ở các đơn vị này đã được nâng cao vượt bậc; có nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh theo năm học.

¹²Tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên tiếng Anh phổ thông (TH, THCS và THPT), với số lượng là 991/1138 giáo viên (GV) tiếng Anh, chiếm tỷ lệ 87,1%, trong đó Tiểu học: 261/347 GV chiếm tỷ lệ 75,2%; THCS: 474/ 531 GV chiếm tỷ lệ 89,3%; THPT: 256/ 260 GV chiếm tỷ lệ 98,5%. Tổ chức thi khảo sát đầu ra cho tất cả giáo viên tiếng Anh tham gia bồi dưỡng, đối với những giáo viên có kết quả thi chưa đạt chuẩn về khung năng lực ngoại ngữ theo cấp học (Bậc 4 gọi là B2 đối với giáo viên tiếng Anh Tiểu học và THCS, bậc 5 gọi là C1 đối với giáo viên tiếng Anh THPT) thì tiếp tục tự bồi dưỡng và tham gia các kỳ thi khảo sát năng lực ngoại ngữ để được công nhận đạt chuẩn.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh phổ thông (TH, THCS và THPT), với số lượng là 665/1138 giáo viên tiếng Anh chiếm tỷ lệ 58,4%, trong đó Tiểu học: 145/347 GV chiếm tỷ lệ 41,8%; THCS: 330/531 GV chiếm tỷ lệ 62,1%; THPT: 190/260 GV chiếm tỷ lệ 73,1%. Tổ chức thi đánh giá kết quả tỷ lệ 100% đạt yêu cầu.

lớp¹³. Đã triển khai việc tổ chức chuẩn bị tiếng Việt trong kỳ nghỉ hè và tăng thời lượng môn Tiếng Việt cho các khối có học sinh vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS biết ít hoặc không biết tiếng Việt, giúp học sinh tháo gỡ khó khăn trong các hoạt động học tập và giao tiếp¹⁴. Toàn bộ trẻ DTTS ra lớp đều được chuẩn bị tiếng Việt phù hợp độ tuổi để hỗ trợ các em học sinh vào lớp 1 vùng DTTS học môn tiếng Việt đạt hiệu quả.

2.6. Đánh giá hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết quả đạt được triển khai cụ thể cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

a) Đánh giá hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn

Chương trình GDPT 2018 với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học được triển khai thực hiện đã giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống; cụ thể: phát triển cho học sinh về những phẩm chất chủ yếu (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) và 03 nhóm năng lực chung cốt lõi (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*). Đây là những yêu cầu có ý nghĩa rất lớn, định hướng cho việc xây dựng nội dung, chương trình có tính thực tế, xuất phát từ cuộc sống và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn.

b) Kết quả đạt được triển khai cụ thể cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

Các cơ sở giáo dục mầm non áp dụng các phương pháp giáo dục phù hợp bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của từng địa phương.

Giáo dục phổ thông thực hiện theo nội dung Chương trình GDPT 2018 đảm bảo tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người; giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú. Nội dung giáo dục định hướng nghề nghiệp có nhiều

¹³Triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 2/6/2016 của Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn tỉnh¹³; Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 2/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁴Trường Đại học Phạm Văn Đồng thường xuyên phối hợp với UBND các huyện miền núi mở các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc ít người cho cán bộ, viên chức công tác vùng đồng bào DTTS, dạy tiếng Hre tại Ba Tơ, Sơn Hà.

điểm mới, học sinh có quyền lựa chọn những môn học phù hợp với năng lực, sở trường và có tính định hướng nghề nghiệp rất cao.

Giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo hướng điều chỉnh các chương trình, nội dung theo hướng thiết thực phù hợp với đối tượng và tình hình thực tế nhằm phát triển năng lực người học; chú trọng soạn giáo án, bài giảng theo hướng lồng ghép và tích hợp liên môn, dạy học theo chủ đề, rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

3.1. Việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo

Trong 10 năm qua, việc đổi mới hình thức thi, kiểm tra và đánh giá, xếp loại kết quả học sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ bảo đảm nguyên tắc xây dựng ma trận, viết câu hỏi phục vụ ma trận đề; đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập tự luận hoặc trắc nghiệm theo 4 mức độ nhận thức (*nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20% và vận dụng cao 10%*); kết hợp một cách hợp lý giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tích hợp nội dung các môn học trong mỗi đề kiểm tra, đánh giá; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thực tiễn để giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học vào việc phát hiện, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống¹⁵.

3.2. Những xu hướng tiên tiến và tin cậy trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo đã được áp dụng so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết

Những năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đã nắm vững những điểm sửa đổi, bổ sung, những nội dung đã được hướng dẫn cụ thể và áp dụng về nhận xét, đánh giá học sinh một cách chính xác; giảm bớt hồ sơ không cần thiết cho giáo viên, giúp giáo viên có thời gian để hướng dẫn học sinh. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện khoa học hơn và giảm áp lực nhiều cho học sinh khi giảm số bài kiểm tra định kỳ của tất cả các môn xuống còn 02 lần kiểm tra định kỳ/học kỳ¹⁶... tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3.3. Lộ trình, phương án đổi mới và kết quả đạt được trong thi và công

¹⁵ Kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cụ thể như: số học sinh đạt học sinh giỏi quốc gia duy trì ổn định, năm 2023 có 18 học sinh đạt học sinh giỏi quốc gia, trong đó có 01 học sinh được tham gia Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic 2023 quốc gia; Cuộc thi khoa học kỹ thuật ngày càng thu hút được sự quan tâm của học sinh, phụ huynh học sinh và các nhà trường.

¹⁶ Gồm: một điểm đánh giá giữa kỳ và một điểm đánh giá cuối kỳ; không giới hạn số lần kiểm tra, thường xuyên, đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá.

nhận tốt nghiệp phổ thông theo hướng giảm áp lực, tốn kém cho xã hội, đảm bảo độ tin cậy, trung thực, làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT chỉ lấy kết quả để xét tốt nghiệp, còn Kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng được tổ chức riêng; đến năm 2015, lần đầu tiên Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Kỳ thi THPT Quốc gia với 2 mục đích: xét tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học, cao đẳng (*còn gọi là kỳ thi hai trong một*) - đây được xem là bước đột phá trong đổi mới, gộp hai kỳ thi làm một. Đến năm 2020, khi Luật Giáo dục 2019 sửa đổi có hiệu lực, Kỳ thi THPT Quốc gia được đổi tên thành Kỳ thi Tốt nghiệp THPT, với mục tiêu chính là xét tốt nghiệp, đề thi được thiết kế dễ hơn. Các trường đại học có thể dùng kết quả kỳ thi này để xét tuyển, hoặc áp dụng thêm các tiêu chí, phương thức khác để tuyển sinh ở các ngành cạnh tranh cao. Nhìn chung, công tác thi và công nhận tốt nghiệp phổ thông từ năm 2013 đến nay có nhiều thay đổi theo hướng phù hợp, giảm áp lực, tốn kém cho xã hội, đáp ứng được nguyện vọng của số đông phụ huynh, học sinh, đảm bảo độ tin cậy, trung thực, làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

3.4. Phát triển của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục được quan tâm, duy trì; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, các trung tâm dạy nghề đã triển khai tốt công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường, đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục để mỗi nhà giáo đều có những hiểu biết nhất định về vị trí công tác của mình¹⁷.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

4.1. Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông; học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Những kết quả đạt được nổi bật trong việc xây dựng hệ thống giáo dục mở

Thực hiện Luật Giáo dục năm 2019 và các chương trình, kế hoạch, đề án triển khai hệ thống giáo dục quốc dân ngày càng hiện đại, toàn tỉnh đã thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt

¹⁷Tính đến tháng 12/2022, có 112/208 trường mầm non đạt kiểm định cấp độ 2, 02/208 trường mầm non đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3; 128/153 trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 (01 Trường mầm non – Tiểu học Việt Úc và 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập không thuộc diện đánh giá Theo thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT); 115/130 trường THCS đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2; 18/52 trường THCS-THCS đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2; 26/39 trường THPT đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 (Trường Liên cấp Thành phố giáo dục quốc tế IEC là trường liên cấp nên chỉ tính 39 trường THPT khi đánh giá theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT); 01 Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất được cấp giấy chứng nhận đánh giá kỹ năng nghề; Trường Đại học Phạm Văn Đồng được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho 2 chương trình đào tạo trình độ đại học đối với ngành Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

động của các cơ sở giáo dục; đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất đào tạo nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; tính đến tháng 12/2022 toàn tỉnh giảm 48 trường, cơ sở giáo dục so với năm 2013.

Vào tuần đầu tiên của tháng 10 hằng năm, toàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện hưởng ứng “Tuần lễ học tập suốt đời”. Qua đó, các tổ chức, cá nhân biết đến nội dung này thông qua các lớp học, tập huấn, hội thảo, hoạt động giao lưu với các nội dung, hình thức học tập phong phú, linh hoạt, thiết thực thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại trong cuộc sống góp phần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo.

Thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phối hợp cùng Hội Khuyến học tỉnh tích cực triển khai xây dựng xã hội học tập, tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập nhằm duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng¹⁸. Qua đó, công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ (PCGD-XMC) được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các ngành, hội, đoàn thể trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện; trung tâm học tập cộng đồng của các xã, phường, thị trấn được củng cố, kiện toàn về tổ chức, trang bị các điều kiện để duy trì và hoạt động đa dạng, thiết thực phù hợp với các tầng lớp nhân dân và các độ tuổi¹⁹.

4.2. Kết quả Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Công tác phân tầng, xếp hạng giáo dục đại học; quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên

Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện việc sáp nhập, giải thể các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thày học xuyên (GDNN - GDTX), trung cấp, cao đẳng hoạt động không hiệu quả, cụ thể đến nay toàn tỉnh còn: 05 Trung tâm GDNN - GDTX²⁰; 01 Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi²¹ và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác.

Việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo nghề từng bước tự chủ về tài chính; đổi mới chương trình đào tạo, nâng dần tính tương thích giữa chất lượng đào tạo và yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong điều

¹⁸Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 về Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁹Kết quả, năm 2013: tỷ lệ người biết chữ ở độ tuổi 15-35: 481.623/499.521 (96,48%); năm 2022: tỷ lệ người biết chữ ở độ tuổi 15-35: 478.522/483.197 (97,58%).

Từ tháng 6/2016, tỉnh Quảng Ngãi được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; đến nay, duy trì phổ cập GDTH, phổ cập giáo dục THCS đạt chuẩn, 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, 13/13 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn.

²⁰Giải thể 08 Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Tây Trà, Sơn Tây, Tư Nghĩa (riêng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh sáp nhập vào Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh nay gọi là Trung tâm GDTX Tỉnh)

²¹Trường Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi sáp nhập vào Trung tâm đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải Quảng Ngãi thành Trường Cao Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi.

kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Qua đó, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp nói chung, kỹ năng nghề của người học sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề nói riêng; các cơ sở đào tạo nghề sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực đầu tư của Nhà nước và thúc đẩy mạnh mẽ xã hội hóa đối với công tác đào tạo nghề.

4.3. Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; sự liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”; UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 09/8/2019 về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với mục tiêu tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế. Theo đó công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS có chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định thời gian qua²².

4.4. Về chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Công tác tuyên truyền đối với các tổ chức, doanh nghiệp và trong Nhân dân về chủ trương xã hội hoá giáo dục để đầu tư xây dựng, phát triển các trường chất lượng cao trong các cấp học trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện tốt; năm 2018 có Trường mầm non - tiểu học Việt Úc, năm 2019 Trường liên cấp Thành phố Giáo dục quốc tế - IEC đi vào hoạt động. Đồng thời, ngành giáo dục và đào tạo đã tranh thủ khai thác mọi nguồn vốn đóng góp, ủng hộ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học²³. Nhìn chung, công tác xã hội hóa đã tạo dựng nhiều thành tựu mới cho ngành giáo dục; hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học, trang thiết bị phục vụ giảng dạy từng bước được nâng cấp khang trang, hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT. Tuy nhiên, các dự án xã hội hóa lớn như xây dựng các trường ngoài công lập trên địa bàn chủ yếu là ở bậc mầm non, tiểu học chỉ tập trung ở địa bàn Thành phố Quảng Ngãi và một số huyện đồng bằng; chưa thu hút được nguồn đầu tư xã hội hóa

²²100% học sinh lớp 9 trên địa bàn tỉnh được tư vấn hướng nghiệp để chọn trường, chọn nghề. Hằng năm, số học sinh tốt nghiệp THCS đi học giáo dục nghề nghiệp có chiều hướng tăng (năm 2011 là 7,53%; năm 2016 là 9,05%, năm 2020 là 10,44%, năm 2021 là 10,65%). Các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện tăng cường liên kết với các trường trung cấp, cao đẳng để tổ chức cho học sinh học văn hóa cấp THPT kết hợp với học trình độ trung cấp.

²³Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 trường đại học, gồm: Trường Đại học Phạm Văn Đồng trực thuộc UBND tỉnh, Trường Đại học Tài chính – Kế toán trực thuộc Bộ Tài chính, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh – Phân hiệu Quảng Ngãi trực thuộc Bộ Công Thương, tất cả các trường đều đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên được nâng cao; việc xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy, đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội.

manh mẽ ở các địa bàn miền núi, hải đảo.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

5.1. Việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động triển khai đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng đảm bảo dân chủ, thống nhất, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục và đào tạo; những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới công tác quản lý giáo dục

Công tác điều hành và quản lý được thực hiện thông qua kế hoạch, quy chế, đảm bảo dân chủ, công khai trong các hoạt động giáo dục. Các cấp uỷ đảng, chính quyền đã tích cực chỉ đạo đưa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy. Đặc biệt, công tác chuyên đổi số trong giáo dục (*ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý cán bộ, tài chính, chương trình dạy học*) đã mang lại hiệu quả thiết thực; chế độ thông tin, báo cáo trong hệ thống ngành được thực hiện qua hệ thống office nội bộ, đảm bảo được tính kịp thời, chặt chẽ, thông suốt và hiệu quả.

5.2. Việc ban hành các văn bản, quy chế, công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với cơ quan quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương đảm bảo sự liên thông, tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Kết quả thực hiện chủ trương “cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp”

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo được quan tâm hơn theo hướng siết chặt kỷ cương, nền nếp; tăng cường vai trò công tác tham mưu, nắm chắc văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện, các hoạt động về giáo dục trên địa bàn tỉnh được quản lý chặt chẽ. Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý, xác định nhiệm vụ, phân quyền đối với Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương.

5.3. Công tác quản lý cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam; quản lý học sinh, sinh viên Việt Nam đi học tại nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và theo hiệp định nhà nước

Tỉnh Quảng Ngãi chưa có chính sách riêng của địa phương, trừ 04 học sinh đã đăng ký học tại Trường ĐH Monash (Úc) và được thụ hưởng chính sách từ Đề án 69 (tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi đi học đại học, sau đại học trong và ngoài nước giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo) của tỉnh.

5.4. Kết quả triển khai chủ trương “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”; “giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường”. Công tác giám sát của các chủ thể trong

nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch

Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục, phát huy vai trò của Hội đồng trường. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường.

Các cơ sở giáo dục đã chủ động sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp theo Đề án vị trí việc làm, thực hiện nhiệm vụ được giao, các dịch vụ công ích khác nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành, thực hiện đúng chế độ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên; định mức chi hoạt động chuyên môn, chi chế độ chính sách, thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có liên quan.

Tập trung xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ, đề án, chương trình để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo từng năm và cho cả giai đoạn, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi để hoàn thành mục tiêu được xác định trong nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

6.1. Việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được trong công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Việc triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật đối với phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong giai đoạn 2013 - 2023 thực hiện đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, kịp thời. Các chính sách về tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cơ bản phù hợp; chính sách về lương, phụ cấp, chính sách ưu đãi, thu hút đặc thù, đáp ứng yêu cầu về hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác và nâng cao chất lượng dạy học, cống hiến cho sự nghiệp phát triển giáo dục.

Thực hiện đánh giá xếp loại công chức, viên chức và đánh giá chuẩn nghề nghiệp cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên hằng năm theo quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên được quan tâm; thực hiện đảm bảo các quy trình về quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý, điều động, luân chuyển, biệt phái giảng viên, giáo viên đúng quy trình và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, đơn vị. Thực hiện chính sách đãi ngộ đối với cán bộ quản lý và nhà giáo luôn đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định hiện hành, nhằm đáp ứng đủ giáo viên để thực hiện chương trình thay sách giáo khoa mới tại cơ sở giáo dục.

Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thường xuyên khuyến khích đội ngũ

nhà giáo tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức; khuyến khích tự học, tự nâng cao kiến thức, kỹ năng, trình độ; thường xuyên cập nhật kiến thức, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ²⁴.

6.2. Công tác xây dựng, ban hành, triển khai chuẩn nhà giáo; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nâng chuẩn, đạt chuẩn theo hướng nâng chuẩn trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học

Hàng năm, việc đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện đúng quy định²⁵. Thường xuyên đào tạo chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Số lượng giáo viên thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cả lộ trình là 894 giáo viên (39 giáo viên mầm non, 446 giáo viên Tiểu học, 409 giáo viên THCS)²⁶.

6.3. Việc ban hành các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kết quả triển khai chế độ ưu đãi và tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; mức độ thực hiện chủ trương “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”

Triển khai thực hiện kịp thời chính sách lương, phụ cấp ưu đãi và các chế độ khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thực hiện xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên hàng năm. Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện nâng lương trước thời hạn đối với các cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên đủ điều kiện; hưởng các chế độ chính sách ưu đãi, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định.

Các địa phương đã chủ động, tích cực thực hiện các chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; từng bước khắc phục được những hạn chế của chính sách của giai đoạn trước đối với các trường chuyên biệt ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện, trường phổ thông dân tộc bán trú*), chính sách đối với nhà giáo ở vùng bãi ngang. Các chế độ ưu đãi được chi trả đầy đủ và kịp thời.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng

²⁴Năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết 29, tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên trên địa bàn toàn tỉnh: 15.314 người (trong đó, 01 Phó giáo sư, 12 Tiến sĩ, 20 Nghiên cứu sinh, 308 Thạc sĩ, 6.627 Đại học, 5.639 Cao đẳng, 2.729 Trung cấp, 10 khác). Tính đến cuối năm 2022, tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên có 15.307 người, giảm 7 người so với năm 2014 (trong đó, 29 Tiến sĩ, 10 Nghiên cứu sinh, 490 Thạc sĩ, 9.239 Đại học, 3.510 Cao đẳng, 1.230 Trung cấp, 799 khác), không tính số lượng giáo viên, nhân viên hợp đồng ngắn hạn.

²⁵Kết quả, 100% cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp và bồi dưỡng thường xuyên đạt kết quả tốt. Theo Luật Giáo dục năm 2019, đến nay tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 83,2%, trong đó mầm non 98,5%, tiểu học 62,8%, THCS 91,7%, THPT 100%.

²⁶Trong đó, Khóa 1: 661 giáo viên (33 giáo viên mầm non, 342 giáo viên Tiểu học, 286 giáo viên THCS). Khóa 2: 233 giáo viên (6 giáo viên mầm non, 104 giáo viên Tiểu học, 123 giáo viên THCS). Theo lộ trình sẽ hoàn thành 100% vào năm 2025 số giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên THCS theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

7.1. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục

Trong những năm vừa qua, với sự nỗ lực đổi mới, cải cách quản lý ngân sách, các nhiệm vụ, chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được hoàn thành cơ bản, khá toàn diện, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các đơn vị dự toán cấp trên thực hiện công khai tất cả các khoản chi ngân sách và phân bổ cụ thể cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách ngay từ đầu năm, đảm bảo công khai, công bằng dân chủ, khách quan trên cơ sở các đơn vị chủ động triển khai một cách có hiệu quả.

Các đơn vị trong ngành đều chủ động bố trí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục hằng năm từ 5 - 10% nguồn kinh phí hoạt động để tiến hành việc tu sửa chống xuống cấp trường lớp; mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học, sách giáo khoa và vật tư tiêu hao bảo đảm phục vụ dạy học. Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhìn chung, cơ sở vật chất trường lớp, thiết bị dạy học về cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy - học²⁷.

Trong giai đoạn 2014 - 2023, nhiều đề án, dự án, kế hoạch trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được ban hành, triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh. Hầu hết các đề án, dự án, kế hoạch đều được thực hiện đảm bảo mục tiêu chung của kế hoạch là đáp ứng cơ bản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo²⁸.

7.2. Tổng chi ngân sách cho giáo dục hằng năm so với yêu cầu tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; đánh giá cơ cấu chi, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

²⁷Giai đoạn 2013-2025: Hoàn thành giai đoạn 1 dự án Trường Đại học Phạm Văn Đồng và trên 90 công trình giáo dục bao gồm xây mới, nâng cấp, mở rộng trường học các cấp; xây mới các trung tâm nghề, trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên tại một số huyện, với trên 500 phòng học mới đưa vào sử dụng.

Giai đoạn 2016-2020: Hoàn thành nâng cấp, mở rộng Trường Chính trị tỉnh; sửa chữa, nâng cấp trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm; Thiết bị phòng thí nghiệm sinh-hóa-môi trường, Trường Đại học Phạm Văn Đồng; Trường THPT chuyên Lê Khiết - Cải tạo xây dựng phòng học, các hạng mục thiết yếu (giai đoạn 1); hoàn thành hơn 90 trường học phổ thông các cấp; Nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa 179 phòng học mầm non, tiểu học.

Giai đoạn 2021-2025: Trong đó, tiếp tục bố trí vốn để đầu tư các trường THCS và THPT trên địa bàn tỉnh (gồm: từ nguồn vốn xổ số kiến thiết bố trí hoàn thành 02 công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 chuyển sang và 17 dự án khởi công mới 17; từ Chương trình MTQG phát triển đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bố trí khởi công mới 04 dự án); đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (giai đoạn 2) và Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm (vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững).

²⁸(1) Đề án Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020: Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 14/9/2012; (ii) Đề án Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020: Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 03/2/2012; (iii) Đề án "Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh: Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2017; (iv) Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 15/6/2022...

Trong giai đoạn 2014 - 2020, chi thường xuyên tại các cơ sở giáo dục cơ bản đáp ứng đủ chi lương, chiếm 80 - 90% chi thường xuyên²⁹. Những năm gần đây, thực hiện Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (*Áp dụng đối với năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội*), kinh phí phân bổ chi thường xuyên cho các hoạt động giáo dục cơ bản thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập nhỏ hơn 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 81% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí). Tổng chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng từ 30% đến 40% tổng chi thường xuyên toàn tỉnh. Tỷ lệ chi đầu tư phát triển cho ngành giáo dục còn thấp chiếm khoản 1% đến 10% trên tổng chi đầu tư phát triển của tỉnh.

Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc cấp huyện quản lý, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục theo tiêu chí dân số từ 1 đến 15 tuổi và theo vùng; đồng thời, trên cơ sở định mức nêu trên, trường hợp tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập nhỏ hơn 19% so với chi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và phụ cấp được tính bảo hiểm xã hội thì được bổ sung đủ 19%. Về cơ bản, định mức trên đáp ứng tối thiểu nhu cầu kinh phí của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. Tuy nhiên, về định mức phân bổ ngân sách đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục trên toàn tỉnh chưa có sự thống nhất và đồng bộ về tiêu chí phân bổ. Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục khối tỉnh, vừa phân bổ theo tiêu chí biên chế vừa phân bổ theo tiêu chí học sinh; đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục khối huyện, phân bổ theo tiêu chí dân số từ 1 đến 15 tuổi, do đó chưa tạo được sự công bằng giữa các đơn vị sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh và cấp huyện, cũng như giữa các huyện với nhau.

7.3. Đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương; triển khai thực hiện đồng bộ nhiều chính sách³⁰; qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, thu hẹp khoảng cách về

²⁹ Tổng vốn đầu tư ngân sách nhà nước đã phân bổ cho ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2013-2023 khoảng 1.497,5 tỷ đồng, trong đó: từ năm 2013 đến năm 2015 là 474,5 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 là 665,7 tỷ đồng; từ năm 2021 đến năm 2023 là 357,3 tỷ đồng.

³⁰ Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho các trường tại vùng nông thôn và miền núi theo hướng hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phù hợp với Chương trình GDPT năm 2018; Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông DTNT, trường PTDTBT phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương...; Tổ chức bán trú cho học sinh trên địa bàn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với học sinh, giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học; Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên là người đồng bào DTTS, người kinh sinh sống tại miền núi để ổn định đội ngũ lâu dài. Tăng cường dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học người DTTS. Tiếp tục quán triệt nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại các cơ sở giáo dục tại các huyện miền núi đến các cấp ủy, chính quyền, các đơn vị, nhà trường và toàn thể nhân dân.

giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, ở một số huyện miền núi của tỉnh, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn diễn ra; nhiều học sinh gặp khó khăn khi đến trường do nhà ở xa. Tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia ở các huyện miền núi còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh.

7.4. Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; hoạt động liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong nước, nước ngoài

Đã ban hành kế hoạch phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo; qua đó, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Đồng thời, xác định danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh; quy định mức miễn tiền thuê đất tại địa bàn khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo.

7.5. Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo

Hiện nay, hệ thống chính sách phát triển giáo dục đối với vùng DTTS và miền núi của tỉnh đã được ban hành khá đầy đủ cho các nhóm đối tượng học sinh và giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Các chính sách cho học sinh, sinh viên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*chính sách học bổng; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập; chính sách ưu tiên tuyển sinh vào đại học, cao đẳng; chính sách phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người; chính sách tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh vùng DTTS; chế độ cử tuyển cho học sinh, sinh viên*) được tích cực triển khai thực hiện.

Trẻ em mẫu giáo đi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên mầm non ở các xã núi cao, hải đảo, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ chính sách hỗ trợ ăn trưa. Học sinh bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông là người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có nhà ở xa trường, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn (*40% mức lương tối thiểu chung*), tiền nhà ở (*10% mức lương tối thiểu chung*) và 15 kg gạo/tháng/học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Học sinh trường phổ thông DTNT, trường dự bị đại học được hưởng các chế độ hỗ trợ như: Học bổng; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền tàu xe nghỉ hè hoặc nghỉ tết; học phẩm; tiền điện nước, bảo hiểm y tế... Thực hiện chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; sinh viên cử tuyển được hưởng học bổng, hỗ trợ thiết bị, hiện vật trong suốt thời gian học tập. Các chế độ, chính sách cho giáo viên, học sinh và cán bộ quản lý vùng DTTS được thực hiện đúng, đủ và hiệu quả.

Các chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) công tác tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn (*phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp vận chuyển mua nước ngọt và sạch, phụ cấp lưu động và một số phụ cấp khác, trợ cấp chuyển vùng, trợ cấp lần đầu, trợ cấp học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; chính sách dạy và học tiếng nói, chữ viết DTTS, trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu,...*) được quan tâm thực hiện, góp phần cải thiện cuộc sống, giảm bớt những khó khăn về vật chất, động viên, thu hút và tạo điều kiện để các nhà giáo, CBQLGD ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong giáo dục và đào tạo được quan tâm thực hiện. Đã có nhiều đề tài, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh, đặc biệt là các đề tài về bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên giỏi và thí nghiệm thực hành được ứng dụng trong toàn ngành.

Thực hiện chủ trương phát triển nghiên cứu khoa học trong học sinh, ngành giáo dục và đào tạo đã phát động, triển khai phong trào nghiên cứu khoa học trong các nhà trường; hằng năm, tổ chức tốt cuộc thi khoa học - kỹ thuật; phối hợp với Tỉnh Đoàn tổ chức thành công Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp tỉnh. Thông qua các cuộc thi, học sinh đã hình thành thói quen ở nghiên cứu khoa học, biết phân tích, so sánh kết quả, thu thập dữ liệu, xử lý thông tin. Đây là cơ sở bước đầu để thực hiện đạt mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đã tập trung thực hiện Kế hoạch triển khai giáo dục STEM trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nhờ đó, mô hình giáo dục STEM ngày càng được nhân rộng tại các trường.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Hằng năm, một số trường đại học, cao đẳng³¹ trên địa bàn tỉnh tiếp nhận lưu học sinh Lào đến học tập (*của các tỉnh Sekong, Attapeu, Champasack (06 lưu học sinh/năm) theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

Đã thực hiện chương trình thí điểm giáo dục song hành của Trường Phổ thông quốc tế George Washington tại Thành phố Quảng Ngãi từ năm học 2015 - 2016 đến hết năm học 2017 - 2018. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài; thẩm định chặt chẽ Chương trình làm

³¹Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Đại học Tài chính Kế toán, Trường Cao đẳng Quảng Ngãi (bắt đầu từ năm 2017), Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm (bắt đầu từ năm 2018). Đến thời điểm hiện tại số lưu sinh viên Lào đang theo học tại Quảng Ngãi: 355 sinh viên; trong đó 103 em học tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng; 14 em học tại Trường Đại học Tài chính Kế toán, 125 em học tại Trường Cao đẳng Quảng Ngãi và 113 em học tại Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm.

quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo do các trung tâm ngoại ngữ liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi³². Ngoài ra, đã thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các trường liên kết với các trung tâm ngoại ngữ để dạy tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài³³.

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao; tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học chưa được giải quyết triệt để, biên chế giao cho ngành giáo dục chưa đảm bảo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên số lượng giáo viên, nhân viên hợp đồng trong các năm học còn nhiều; chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý giáo dục nghề nghiệp ở các cấp còn hạn chế, phần lớn thực hiện kiêm nhiệm và hợp đồng. Việc đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, một số cơ sở giáo dục có diện tích hẹp, phòng học chưa đảm bảo đúng quy chuẩn và diện tích theo quy định, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; vẫn còn tình trạng thiếu thiết bị dạy học, nhiều trường học đã xuống cấp, hư hỏng không sử dụng được.

- Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS có cải thiện đáng kể so với các năm trước, tuy nhiên, tỷ lệ vẫn còn thấp. Cơ cấu đào tạo giáo dục nghề nghiệp còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng, chiếm 75%; trình độ trung cấp, cao đẳng chỉ chiếm khoảng 25%. Công tác tư vấn, tuyển sinh học nghề còn gặp nhiều khó khăn; những thay đổi trong cơ chế tuyển sinh đại học những năm gần đây gây khó khăn về nguồn tuyển đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Công tác thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ cao (tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư) còn rất thấp, phần nào ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học, cao đẳng.

2. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; việc tổ chức, tuyên truyền, khảo sát, kiểm tra, sơ kết và rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW còn hạn chế.

- Quy mô trường, lớp, tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ chưa được giải quyết dứt điểm; chế độ của nhân viên cấp dưỡng và bảo vệ chưa có quy định rõ ràng nên chưa khuyến khích được người lao động.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chưa theo kịp yêu cầu phát triển do nguồn ngân sách hằng năm có hạn trong khi nhu cầu về cơ sở vật chất của các cơ

³²Kết quả, đến nay đã có 06 Trung tâm ngoại ngữ đủ năng lực tham gia thực hiện Chương trình làm quen Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

³³Hiện toàn tỉnh có 75 trung tâm (trong đó, có 68 trung tâm hoạt động, có 04 trung tâm chưa hoạt động và 03 trung tâm tạm dừng) và 12 trung tâm giáo dục kỹ năng sống, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

sở giáo dục, đào tạo lớn. Việc mua sắm tập trung gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học vì đơn vị cung cấp hàng hóa chưa đảm bảo về chủng loại, chất lượng và thời gian so với đăng ký của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Việc định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT đăng ký tham gia các khóa đào tạo giáo dục nghề nghiệp còn thấp do chưa có quy định pháp lý cụ thể hóa chủ trương của Đảng. Nhận thức của người dân về học nghề để nâng cao tay nghề, tăng giá trị thu nhập, học nghề để tự tìm việc làm còn chưa đầy đủ dẫn đến việc tuyển sinh học nghề rất khó khăn.

- Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều chính sách trong việc thu hút và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên có trình độ cao nhưng kết quả còn hạn chế.

III. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU

Qua 10 năm triển khai thực hiện, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, một số mô hình hay cách làm hiệu quả trong giáo dục - đào tạo được triển khai thực hiện, có thể nhân rộng và ứng dụng thực tiễn như: Mô hình “Ánh sáng tri thức trong không gian xanh” ở Trường THCS Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi; mô hình “Trường học Hạnh phúc” tại các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Quảng Ngãi... Mô hình “Trường học văn minh, học sinh, sinh viên thân thiện, không có ma túy, bạo lực học đường”; Mô hình “Dân vận khéo”... ở nhiều nơi trong tỉnh. Trong đó, có 240 cơ sở giáo dục triển khai mô hình trường học an toàn; 38 cơ sở giáo dục triển khai thực hiện mô hình trường học tự quản; có 40 cơ sở giáo dục triển khai thực hiện mô hình cổng trường an toàn; 15 cơ sở giáo dục triển khai thực hiện mô hình câu lạc bộ tuổi trẻ phòng, chống tội phạm;... Các cơ sở giáo dục xây dựng Tổ An ninh trường học hoạt động rất hiệu quả; duy trì các Câu lạc bộ “Tuổi trẻ phòng, chống tội phạm”, “Thanh niên với pháp luật” tại các trường trung học phổ thông trong tỉnh về các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt.

Mặt khác, các cơ sở giáo dục đã chủ động phổ biến giáo dục pháp luật đến học sinh, sinh viên và tổ chức các phiên tòa giả định để các em học sinh có cách nhìn đúng đắn về các tệ nạn, xã hội trong học đường hiện nay. Duy trì các câu lạc bộ: Khi tôi 18, thể thao, đàn ghi ta, cầu lông, cờ tướng,... đã thu hút đông đảo đội viên, đoàn viên, thanh niên các trường trong tỉnh hưởng ứng, tham gia, tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên về hiểu biết và thực thi pháp luật.

IV. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU

- Luật Giáo dục 2019 thay đổi quy định về tiêu chuẩn đội ngũ giáo viên phải có trình độ đại học, do vậy việc tuyển dụng giáo viên bậc tiểu học gặp nhiều khó khăn (nhiều năm tuyển dụng không đủ chỉ tiêu); việc tuyển dụng giáo viên chưa kịp thời đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của các nhà trường; tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ ở các bậc học vẫn còn, biên chế giao cho ngành giáo dục

chưa đảm bảo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nên số lượng giáo viên, nhân viên hợp đồng trong các năm học còn nhiều.

- Cơ sở vật chất trường lớp tuy được tập trung đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, mở rộng dạy học 2 buổi/ngày; còn thiếu phòng học, phòng chức năng và phòng bộ môn để tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018; các hoạt động thực hành thí nghiệm cũng như các hoạt động giáo dục khác theo yêu cầu đổi mới trang thiết bị ở các trường chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Việc tổ chức dạy học khoa học tự nhiên, khoa học xã hội theo Chương trình GDPT 2018 còn gặp nhiều khó khăn: Giáo viên chưa đủ năng lực dạy đủ nội dung môn học (*Vật lý, Hóa học - Sinh học, Sử - Địa*).

- Năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu quản lý dạy và học, đổi mới căn bản, toàn diện theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; tiền lương, thu nhập của giáo viên còn thấp, ảnh hưởng đến tâm lý, nhiệt huyết của giáo viên.

V. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải hết sức coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhận thức được việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ hai, để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo thực sự đạt hiệu quả, các cơ quan liên quan cần chủ động, kịp thời tham mưu các chủ trương, chính sách, đề án,... liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo bảo đảm tính khả thi, sát với thực tiễn.

Thứ ba, đẩy mạnh truyền thông tới cha mẹ học sinh và toàn xã hội về chương trình GDPT 2018 và những đổi mới của ngành giáo dục, đào tạo nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội.

Thứ tư, tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hiệu quả việc quy hoạch mạng lưới trường, lớp, quy mô học sinh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các em học sinh đến trường. Đồng thời, huy động các nguồn lực trong xã hội cùng với ngân sách nhà nước tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy và học.

PHẦN THỨ BA

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong thời gian đến

I. Dự báo tình hình

Trong những năm tới, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu phải đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất

lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.

II. Phương hướng

Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện hiệu quả quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp có liên quan đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh nhà và đất nước. Hoàn thiện Đề án Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện có hiệu quả hơn nữa các nội dung: Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 51-CTr/TU, Kế hoạch số 224-KH/TU về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 27/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thông báo số 101-TB/TU ngày 12/5/2023 Kết luận của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại buổi đối thoại trực tiếp với đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, qua đó, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, học sinh và sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc đầu tư, quan tâm, chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo trong tỉnh;

2. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục, đào tạo, nhất là quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong phát triển giáo dục.

3. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; trong đó đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục pháp luật, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân; giáo dục thể chất và hướng nghiệp cho học sinh; kết hợp hài hòa dạy chữ, dạy người và dạy nghề; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện và hiện đại.

4. Đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

5. Đổi mới căn bản và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo

dục; coi trọng quản lý chất lượng và đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục.

Đổi mới mạnh mẽ công tác kiểm tra; tăng cường kiểm tra đột xuất và những vấn đề bức xúc, dễ xảy ra sai phạm, xử lý nghiêm các sai phạm, thông báo công khai trước công luận, giữ vững trật tự, kỷ luật, kỷ cương trong ngành.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn gắn với thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo; xây dựng phương án triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên cấp dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp.

7. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân: triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hóa các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục và phương thức học tập để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

8. Tạo bước đột phá về công tác cải cách hành chính gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung; hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

9. Đẩy mạnh công tác phân luồng; chú trọng hoạt động hướng nghiệp trong các trường THCS, THPT và trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng nâng cao nhận thức của toàn xã hội và của các tổ chức về lợi ích của giáo dục nghề nghiệp đối với sự phát triển bền vững của từng cá nhân, từng doanh nghiệp.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Ban Tuyên giáo Trung ương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, khảo sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW tại các địa phương, các đơn vị, cơ sở giáo dục;

- Đề xuất Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo trong tình hình hiện nay.

2. Đối với Chính phủ

Để đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên đáp ứng Chương trình GDPT 2018, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ có hướng giải quyết khi tuyển dụng giáo viên đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

3. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập

theo Chương trình GDPT 2018 đề địa phương, cơ sở giáo dục có cơ sở tính định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông (*hiện nay đang sử dụng Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017*).

- Tăng định mức hỗ trợ cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường PTDTBT theo lộ trình từng năm, từng thời kỳ ngân sách một cách phù hợp, vì mức hỗ trợ tại các chính sách hiện hành là quá thấp không còn phù hợp với tình hình vật giá cũng như yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

- Quan tâm có chế độ chính sách phù hợp đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên đang công tác tại vùng sâu, vùng xa các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị, điều chỉnh bổ sung đối tượng giáo viên hưởng chế độ dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt vùng DTTS ở điểm chính tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ (*hiện nay đối tượng giáo viên được hưởng chế độ này quy định là giáo viên dạy ở điểm lẻ*).

- Sớm ban hành quy chế, phương án tổ chức các kỳ thi cuối cấp cho học sinh đang theo học chương trình GDPT 2018.

- Về Chương trình giáo dục: Bộ cần có những điều chỉnh nội dung phù hợp, tăng thêm thời lượng các bài học về đạo đức cho học sinh cấp THCS, THPT.

4. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, cán bộ làm công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kiến thức hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Cơ quan Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương tại Đà Nẵng (T26),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh
- Các hội đặc thù cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CVP, PCVPTU; Phòng Tổng hợp,
- Phòng Khoa giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đinh Thị Hồng Minh